

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **429/2018/HNGĐ - ST**

Ngày: 09-11-2018

V/v “*Xin ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Nhạn.

Bà Thiều Thị Phi Loan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Hồng Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố **B**.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố **B** tham gia phiên tòa:* Ông Mai Văn Thông - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố **B**, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1392//2018/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 về việc “*Xin ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 410/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lê Trần C**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: tổ Q, ấp D, xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1976.

Địa chỉ: ấp T, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông C, bà S có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28/5/2018, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa nguyên đơn ông Lê Trần C trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị S xây dựng gia đình năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đã được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10 tháng 10 năm 2014.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bà S lạnh nhạt, thiếu cảm thông chia sẻ với ông. Nay mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được ông xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị S.

Về quan hệ con chung: Ông và bà Nguyễn Thị S không có con chung.

Về tài sản chung: Ông và bà Nguyễn Thị S không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 15/8/2018, ngày 16/10/2018 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị S trình bày:

Bà và ông Lê Trần C xây dựng gia đình năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Đã được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10 tháng 10 năm 2014.

Thời gian đầu sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn do ông Lê Trần C có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên muốn ly hôn với bà. Nay ông Lê Trần C xin ly hôn với bà, bà không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với ông Lê Trần C.

Về quan hệ con chung: Bà và ông Lê Trần C không có con chung.

Về tài sản chung: Bà và ông Lê Trần C không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S đã sống ly thân với nhau. Hôn nhân giữa ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được ông C xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị S. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị S đồng ý ly hôn với ông Lê Trần C nên ghi nhận. Căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị ghi nhận sự thuận tình xin ly hôn giữa ông Lê

Trần C và bà Nguyễn Thị S.

- Về quan hệ con chung: Ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S không có con chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Lê Trần C phải chịu theo quy định pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận câu khởi kiện của ông Lê Trần C .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S kết hôn vào năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và đã được Ủy ban nhân dân xã P, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 10/10/2014 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S trình bày quá trình vợ chồng chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không quan tâm nhau, ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Ông Lê Trần C xin ly hôn bà Nguyễn Thị S, tại phiên tòa bà Nguyễn Thị S đồng ý ly hôn với ông Lê Trần C .

Tại biên bản xác minh ngày 18/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố **B**: Trưởng ấp Đồng, xã P, thành phố **B** cung cấp ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, thành phố **B** từ năm 2014. Trong quá trình sinh sống ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S mâu thuẫn như thế nào địa phương không nắm rõ. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị S không có cư trú, sinh sống cùng ông Lê Trần C tại địa phương. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: địa phương không nắm. Ông Lê Trần C xin ly hôn bà Nguyễn Thị S địa phương không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Xét mâu thuẫn giữa ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S đã xảy ra, ông C và bà S đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa bà Nguyễn Thị S đồng ý ly hôn với ông Lê Trần C . Nên ghi nhận.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S không có con chung nên không xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Lê Trần C phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[6] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc giải quyết tranh chấp và nghĩa vụ chịu án phí của ông Lê Trần C là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 203, 220, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Điều 51, 54, 55, 56, 57 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Trần C đối với bà Nguyễn Thị S về việc “Xin ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S thuận tình ly hôn.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về án phí: Ông Lê Trần C phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm ông Lê Trần C nộp theo biên lai số 007707 ngày 13/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đồng Nai được tính trừ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Ông Lê Trần C và bà Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- THA TP. **B** (1);
- VKSND TP. **B** (2);
- Đường sự (2);
- UBND xã Phước Tân, TP. B,
tỉnh Đồng Nai (số: 249/2014);
- Lưu

Trần Thị Kim Dung